

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 324/2023/DS-PT
Ngày 10/8/2023
V/v “Tranh chấp quyền về lỗi đi qua”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng
Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp quyền về lỗi đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1693/2023/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952;
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1952;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ là:

- Chị Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983;
- Chị Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997;

Cùng cư trú tại: Số nhà A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1957;

2. Ông Võ Văn P, sinh năm 1962;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tấn P1, sinh năm 1972;

2. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1977;

3. Ông Nguyễn Tấn Đ2, sinh năm 1975;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Nguyễn Hải N, sinh năm 1974;

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị H là nguyên đơn.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H trình bày:

Ông Đ và bà H là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa số 2743, tờ bản đồ số 01 nay là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 25, diện tích 3.645m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Phần đất yêu cầu mở lối đi là thửa số 87, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Đ1 (Hộ bà Nguyễn Thị Đ1 gồm: Ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị Đ1). Nay ông Đ và bà H yêu cầu hộ bà Đ1 tháo dỡ tường rào trụ đà, bê tông cốt thép mở cho gia đình ông bà một lối đi có chiều ngang 2m, chiều dài từ đất ông Đ đến hết thửa đất số 87 có tổng diện tích theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 87A có diện tích 31,5m², thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ số 25 và thửa số 151B và diện tích 1,6m², thuộc một phần thửa đất số 151, tờ bản đồ số 25. Ông Đ và H đồng ý bồi thường cho ông P2 và bà Đ1 giá trị quyền sử dụng đất, cây trồng và vật kiến trúc trên đất theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định. Phần đất lối đi này đã có từ trước năm 1975, nhưng đến tháng 02/2020 ông P2 và bà Đ1 tự ý xây dựng tường rào kiên cố làm cho gia đình ông Đ không có lối đi. Sau khi, ông P2 và bà Đ1 xây tường rào thì gia đình ông Đ phải xin tháo dỡ tấm rào của phần đất bên cạnh thửa đất số 150 để đi ra lộ công cộng.

Đối với phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi thuộc thửa đất số 151B có diện tích là 1,6m², hiện tại ông P2 và bà Đ1 đã xây dựng hàng rào trên phần đất này. Tuy nhiên, ông Đ và bà Hiệp đồng ý xác nhận lại phần ranh ở các điểm 2-8-9-10 mặc dù trên bản đồ địa chính là của nguyên đơn, hiện phía bị đơn đã xây dựng lấn chiếm nhưng nguyên đơn đồng ý xác định phần đất tại 4 điểm trên là của bị đơn, nguyên đơn không có tranh chấp và vẫn yêu cầu bị đơn mở lối đi trên phần đất này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre là của ông bà. Ông bà không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn vì từ trước đến nay gia đình ông Đ không có đi trên lối đi này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn P1, anh Nguyễn Tấn L, anh Nguyễn Tấn Đ2 và anh Nguyễn Hải N trình bày:

Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre mặc dù đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ, các anh đều là thành viên trong hộ ông Đ. Tuy nhiên, thửa đất này là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H các anh không có quyền lợi gì đối với thửa đất trên và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P2 và bà Nguyễn Thị Đ1 mở lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 31,5m² thuộc thửa đất số 87A và diện tích 1,6m² thuộc thửa đất số 151B cùng tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (theo hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 20/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cung cấp).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 25/4/2023, nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn Đ cùng kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị H vắng mặt và không có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 289 và 295 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trần Thị H.

[2] Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất 151B thuộc một phần thửa 151 (diện tích 1,6m² tại các điểm 2-8-9-10 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ. Trên thửa đất số 151B bị đơn đã xây dựng một phần tường rào kiên cố nhưng trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định các điểm 2-8-9-10 là phần đất của bị đơn, nguyên đơn không có tranh chấp đối với phần diện tích này nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[3] Phần lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở có chiều ngang 2m, diện tích là 31,5m², thửa ký hiệu 87A, thuộc một phần thửa 87 và diện tích 1,6m², thửa ký hiệu 151B, thuộc một phần thửa 151, cùng tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trên phần đất yêu cầu mở lối đi gồm có: có 01 phần tường rào diện tích 8,4m² (toàn bộ hàng rào dài khoảng 17m), 01 cây mai và 01 cây đu đủ đang cho trái. Cây trồng và vật kiến trúc trên thửa đất số 87A là do ông P2, bà Đ1 trồng và xây dựng.

[4] Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 25 của gia đình ông Đ, bà H nằm phía sau thửa đất số 87, tờ bản đồ số 25 của bị đơn và thửa đất số 151 bị vây bọc hoàn toàn bởi các thửa đất bên ngoài như thửa 150, thửa 169, 170. Theo biên bản hòa giải ngày 03/7/2020 (bút lục 34) ông Đ cho rằng lối đi mà gia đình ông sử dụng từ rất lâu qua đất ông N1, bà M, ông P2, bà Đ1 và đi thẳng đến chợ Đ3 (có thể hiện đường đi trên bản đồ) nên gia đình ông đã sử dụng lối đi qua thửa 150, hướng cặp Bệnh viện C1 ra Quốc lộ E, nhưng đến năm 2012 ông chuyển nhượng thửa đất số 150 cho ông H thì ông và ông H có thỏa thuận là ông H sẽ

để lối đi cho gia đình ông, nhưng hiện nay ông H đã chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Trung N2 và ông N2 không cho ông đi trên lối đi này.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì trước đây, ông Đ và bà H có lối đi trên thửa đất này để đi ra lộ công cộng nhưng khi chuyển nhượng đất cho ông H vào năm 2012 thì không có dành lại một phần đất để làm lối đi trên thửa đất số 150, do ông Đ và bà H còn một đường đi khác là đường mòn qua đất của ông P2 và bà Đ1 đã hình thành từ trước năm 1975. Tuy nhiên, theo bản đồ tổng thể (bút lục 88) thể hiện phần đường đi mà nguyên đơn trình bày là đường mòn đi qua rất nhiều thửa đất nhưng không qua thửa đất số 87 của ông P2 và bà Đ1.

[5] Trên phần đất mà nguyên đơn mở lối đi có một tường rào, tường rào trụ đà bê tông cốt thép, tường xây lửng cao 0,8m, phía trên có kéo lưới B40 (phần hàng rào này đã được xây dựng cách nay 03 năm). Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ghi nhận như sau: tường rào trụ đà, bê tông cốt thép, tường xây tô, chiều cao 2,2m, chiều dài khoảng 17m được bị đơn xây dựng mới (năm 2022) trên phần tường rào cũ (năm 2019). Mặc dù, thửa đất số 151 của gia đình ông Đ bị vây bọc bởi các thửa đất khác nhưng yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ: từ trước đến nay nguyên đơn không có đi trên lối đi thuộc thửa đất số 87 mà nguyên đơn chỉ đi trên phần đường mòn (qua thửa đất số 170, qua thửa đất số 150 của nguyên đơn để ra lộ công cộng), đồng thời nếu tháo dỡ phần tường rào 2m theo yêu cầu của nguyên đơn sẽ làm ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu tường rào và ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng đất của bị đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không được chấp nhận là phù hợp.

Từ những nhận định trên, do ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289 và 295 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2023/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 mở lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 31,5m² thuộc thửa đất số 87A và diện tích 1,6m² thuộc thửa đất số 151B cùng tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 20/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.947.000 đồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H phải chịu và đã thanh toán xong.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

